

Số: 61/QĐ-TiHTH

Quận 7, ngày 14 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai Xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2023
của trường Tiểu học Tân Hưng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC TÂN HƯNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 2964/QĐ-UBND ngày 28/10/2021 về việc tổ chức lại Trường Tiểu học Lê Quý Đôn và Trường Tiểu học Phú Đồng thành Trường Tiểu học Tân Hưng;

Căn cứ Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 của Ủy ban Nhân dân Quận 7 về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2022-2026 đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 8479/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban Nhân dân Quận 7 về việc giao dự toán chi ngân sách năm 2023 cho trường Tiểu học Tân Hưng;

Căn cứ Quyết định số 826/QĐ-UBND ngày 03/3/2023 của Ủy ban Nhân dân Quận 7 về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2023 cho trường Tiểu học Tân Hưng;

Căn cứ Quyết định số 921/QĐ-UBND ngày 23/3/2023 của Ủy ban Nhân dân Quận 7 về việc giao số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách Nhà nước tại đơn vị sự nghiệp ngành Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban Nhân dân Quận năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 2540/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của Ủy ban Nhân dân Quận 7 về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2023 cho trường Tiểu học Tân Hưng;

Căn cứ Quyết định số 2672/QĐ-UBND ngày 13/9/2023 của Ủy ban Nhân dân Quận 7 về bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2023 để thực hiện chế độ miễn giảm học phí, miễn giảm tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, hỗ trợ chi phí học tập năm học 2022- 2023;

Căn cứ Quyết định số 3496/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của Ủy ban Nhân dân Quận 7 về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2023 cho trường Tiểu học Tân Hưng;

Căn cứ Quyết định số 3506/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của Ủy ban Nhân dân Quận 7 về việc điều chỉnh dự kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ sang kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ năm 2023 cho trường Tiểu học Tân Hưng,

Căn cứ thông báo số 1552/TB-TCKH ngày 12/6/2024 về việc xét duyệt Quyết toán ngân sách năm 2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai Xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2023 (chi tiết theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Toàn thể cán bộ, viên chức trường Tiểu học Tân Hưng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Niên yết tại trụ sở cơ quan
- Phòng TC – KH Quận 7
- Như điều 3 “để thực hiện
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Lan Hương

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường tiểu học Tân Hưng

Chương: 622

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 61/QĐ- TtHTh ngày 14/06/2024 của Trường Tiểu học Tân Hưng)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
I	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Thu chi hoạt động sự nghiệp, thu hộ chi hộ:				
I	Số thu sự nghiệp, thu hộ:				
1	Thu sự nghiệp:	7.963.864.642	7.963.864.642	0	0
	Tiền TBVDBT	112.310.000	112.310.000	0	
	Tiền Học phí 2 buổi	284.190.000	284.190.000	0	
	Tiền Vệ sinh phí	98.630.000	98.630.000	0	
	Tiền tổ chức phục vụ BT	1.668.504.000	1.668.504.000	0	
	Tiền Anh văn tăng cường	576.846.000	576.846.000	0	
	Tiền Anh văn Bán ngữ	1.432.725.000	1.432.725.000	0	
	Tiền Anh văn Toán Khoa	1.199.300.000	1.199.300.000	0	
	Tiền Năng khiếu	746.142.000	746.142.000	0	
	Tiền Kỹ năng sống	935.590.000	935.590.000	0	
	Tiền Tin học	467.696.000	467.696.000	0	
	Tiền STEM	437.445.000	437.445.000	0	
	Lãi ngân hàng	4.486.642	4.486.642	0	
2	Thu hộ:	8.116.205.177	8.116.205.177	0	
	Tiền Com	6.466.400.995	6.466.400.995	0	
	Tiền Nước	169.564.000	169.564.000	0	
	Tiền Đề kiểm tra	72.260.000	72.260.000	0	
	Tiền BHYT học sinh	972.915.300	972.915.300		
	Tiền CSSK học sinh	59.661.091	59.661.091		
	Tiền bơi	0	0		
	Tiền đại lý thu BHYT	17.195.791	17.195.791		
	Tiền điện	228.698.000	228.698.000		
	Tiền quỹ khác (tiền giám học 2 buổi, quỹ khen thưởng, quỹ bồi dưỡng học sinh giỏi, quỹ khuyến khích)	0	0	0	
	Tiền Số LLĐT	129.510.000	129.510.000	0	
II	Số chi sự nghiệp, chi hộ:				

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	Chi sự nghiệp:	7.441.188.651	7.441.188.651	0	
	Tiền TBVDBT	112.310.000	112.310.000	0	
	Tiền Học phí 2 buổi	279.514.132	279.514.132	0	
	Tiền Vệ sinh phí	98.630.000	98.630.000	0	
	Tiền tổ chức phục vụ BT	1.497.236.156	1.497.236.156	0	
	Tiền Anh văn tăng cường	522.239.950	522.239.950	0	
	Tiền Anh văn Ban ngữ	1.399.998.600	1.399.998.600	0	
	Tiền Anh văn Toán Khoa	1.156.048.600	1.156.048.600	0	
	Tiền Năng khiếu	633.592.284	633.592.284	0	
	Tiền Kỹ năng sống	915.492.400	915.492.400	0	
	Tiền Tin học	397.562.239	397.562.239	0	
	Tiền STEM	428.124.290	428.124.290	0	
	Lãi ngân hàng	440.000	440.000	0	
2	Chi hộ:	8.183.475.610	8.183.475.610	-	
	Tiền Cơm	6.425.591.000	6.425.591.000	0	
	Tiền Nước	143.629.440	143.629.440	0	
	Tiền Đề kiểm tra	110.999.012	110.999.012	0	
	Tiền BHYT học sinh	1.032.227.280	1.032.227.280	0	
	Tiền CSSK học sinh	64.299.500	64.299.500	0	
	Tiền bơi	-	-	0	
	Tiền đại lý thu BHYT	-	-	0	
	Tiền điện	224.974.473	224.974.473	0	
	Tiền quỹ khác (tiền gian học 2 buổi, quỹ khen thưởng, quỹ bồi dưỡng học sinh giỏi...)	53.144.905	53.144.905	0	
	Tiền Sô LLĐT	128.610.000	128.610.000	0	
C	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
1	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
1	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	14.353.254.630	14.353.254.630	-	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	8.339.000.000	8.339.000.000	0	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.018.998.681	1.018.998.681	0	
1.3	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (NQ 03)	4.995.255.949	4.995.255.949	0	
1.4	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (TK 10% chi thường xuyên)	-	-	0	

Ngày 14 tháng 6 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị
(Chữ ký, dấu)



Trần Thị Lan Hương